

Số: /BC-UBND

Lào Cai, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc tiến khai thực hiện rà soát, điều chỉnh, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; xây dựng phương án sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện văn bản số 8150/BNV-TCBC ngày 18/9/2025 của Bộ Nội vụ về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả triển khai và xây dựng phương án tổng thể sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn các tổ chức bên trong các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH, CHỈ ĐẠO

Thực hiện Văn bản số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Văn bản số 8150/BNV-TCBC ngày 18/9/2025 của Bộ Nội vụ về việc sắp xếp ĐVSN theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Văn bản số 349-CV/TU ngày 14/9/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc triển khai sắp xếp ĐVSN, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, UBND tỉnh đã tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh văn bản chỉ đạo và ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, các ĐVSNCL, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

1. Công văn số 65-CV/ĐU ngày 15/9/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc triển khai sắp xếp ĐVSN, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

2. Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; xây dựng phương án sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong các sở, ban, ngành, các ĐVSNCL, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Văn bản số 2252/UBND-NC ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

4. Các sở, ban, ngành, các ĐVSCL và các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn đã khẩn trương tổ chức thực hiện, rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị để đảm bảo rõ người, rõ việc theo đúng thẩm quyền được giao.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Đối với việc sắp xếp các tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính:

- Chuyển Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo thành Phòng Tôn giáo trực thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Trước mắt, giữ nguyên mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy của các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương cho đến khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công Thương.

- Đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp xem xét, nghiên cứu phương án sắp xếp đảm bảo nguyên tắc nhiệm vụ quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai giao cho một đơn vị thực hiện.

- Tiếp tục giữ nguyên 04 phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã, khi Trung ương có chủ trương tăng số phòng thì thực hiện theo chủ trương của Trung ương.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

2.1. Chỉ bố trí ĐVSN trực thuộc UBND tỉnh, sở, ban, ngành và UBND cấp xã (không bố trí ĐVSN trực thuộc chi cục và thuộc phòng).

2.2. Đối với lĩnh vực Y tế: (i) Nghiên cứu sắp xếp theo phương án chuyển chức năng Y tế dự phòng của Trung tâm Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng khu vực (cấp huyện trước đây) về Trạm Y tế cấp xã; (ii) Phương án chấm dứt hoạt động của các Phòng khám Đa khoa khu vực; (iii) Phương án sắp xếp lại các Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp các xã có diện tích rộng đi lại khó khăn thì có thể bố trí các điểm trạm cho phù hợp, không bố trí điểm trạm gần trung tâm. Trường hợp các xã, phường đi lại thuận lợi thì không bố trí các điểm trạm; nghiên cứu bố trí bộ máy các khoa, phòng cho phù hợp.

2.3. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Nghiên cứu, sắp xếp theo phương án tách các trường liên cấp theo hướng cơ bản không còn trường liên cấp, xem xét bố trí các điểm trường lẻ hợp lý với điều kiện thực tiễn và cụ thể của từng xã.

2.4. Đối với các lĩnh vực công ích: Nghiên cứu xây dựng phương án mỗi xã, phường thành lập một đơn vị sự nghiệp công ích cấp xã để cung ứng các dịch vụ công ích tại địa phương.

2.5. Đối với các Ban QLDA đầu tư xây dựng: Thực hiện theo quy định của Nghị định hướng dẫn chuyên ngành về quản lý đầu tư và xây dựng và thực hiện xây dựng phương án sắp xếp lại như sau:

(i) Tách chuyển nhiệm vụ công ích của 03 Ban QLDA khu vực trực thuộc UBND tỉnh gồm: Trấn Yên, Yên Bình, Nghĩa Lộ về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã quản lý (*xem xét điều chỉnh lại địa bàn hoạt động của*

Ban Quản lý dự án Khu vực Yên Bình và Ban Quản lý dự án Khu vực Trấn Yên cho phù hợp với thực tế và đề xuất kiến nghị của địa phương).

(ii) Thành lập 04 Ban QLDA khu vực trực thuộc UBND tỉnh trên cơ sở sáp nhập các Ban QLDA khu vực trực thuộc UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai trước sáp nhập để đảm bảo các Ban QLDA khu vực có đủ cơ sở pháp lý hoạt động theo các quy định của pháp luật¹ và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, gồm:

¹ Về sự phù hợp với các quy định của pháp luật

1. Sự phù hợp đối với Điều 16, Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; phù hợp đối với Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó tại Điều 32 quy định chuyển tiếp như sau:

“3. Quy định chuyển tiếp đối với nội dung phân định thẩm quyền trong lĩnh vực hoạt động ĐTXD:

... “c) Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA khu vực **đã được UBND cấp huyện thành lập** trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành **do UBND cấp tỉnh quản lý**; căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, UBND cấp tỉnh quyết định hoặc giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện việc tổ chức lại hoặc giải thể Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA khu vực do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về ĐVSNC; đối với dự án đang được Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA cấp huyện thực hiện, **UBND cấp tỉnh quyết định giao Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA khu vực do mình thành lập để tiếp tục quản lý dự án hoặc quyết định điều chỉnh hình thức quản lý dự án bảo đảm không gián đoạn công việc quản lý dự án, thi công xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng**”.

* Mô hình Ban QLDA khu vực thuộc UBND tỉnh là phù hợp do Nghị định số 140/2025/NĐ-CP mặc dù quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp nhưng lại không có quy định nào nói về việc giao UBND cấp xã quản lý các Ban QLDA bởi kể từ ngày 01/7/2025, các Ban QLDA cấp huyện chuyển về cho cấp tỉnh quản lý thì đương nhiên là các dự án do Ban QLDA cấp huyện đang thực hiện thì cũng phải chuyển về cấp tỉnh quản lý thì mới phù hợp với quy định và không thể chuyển xuống cho UBND cấp xã quản lý.

2. Sự phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Trung ương

a) Theo Văn bản số 68-CV/BCĐ ngày 28/5/2025 của BCĐ thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp:

“ 4. Đối với các dịch vụ sự nghiệp công có nguồn thu, có khả năng tự chủ về tài chính (như: **quản lý dự án, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng**) thì **có thể giao cấp tỉnh (có cơ sở liên xã) hoặc cấp xã tổ chức quản lý** và cung ứng các dịch vụ này để phục vụ người dân, doanh nghiệp.”

Đối với các ĐVSNC thuộc lĩnh vực quản lý dự án, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng, quản lý chợ, bến xe: các địa phương căn cứ điều kiện, đặc điểm và khả năng bảo đảm tự cân đối nguồn thu các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công để **thành lập ĐVSNC ở cấp tỉnh (có cơ sở liên xã) hoặc cấp xã, bảo đảm các ĐVSNC khi được thành lập sẽ tự đảm bảo chi thường xuyên và thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc các lĩnh vực này trên địa bàn**.

* Theo hướng dẫn này, nếu cấp xã có Ban QLDA thì Ban cấp xã chỉ được thực hiện dự án trên địa bàn của xã mà không thể thực hiện trên địa bàn liên xã, như vậy dự án thuộc các xã không có Ban QLDA sẽ gặp vướng mắc trong xác định đơn vị thực hiện dự án, theo đó: Nếu giao BQLDA xã quản lý dự án liên xã sẽ dẫn đến vượt quá phạm vi quản lý của cấp xã và trái quy định về phân cấp đầu tư và quản lý dự án. Nếu thành lập mỗi xã 01 Ban QLDA thì gia tăng đầu mỗi ĐVSNC, không phù hợp với chủ trương của TW và mục tiêu của Nghị định số 140/2025/NĐ-CP về tinh gọn đầu mối, tập trung về tỉnh, giảm tầng nấc trung gian.

b) Văn bản số 5983/BXD-TCCB ngày 28/6/2025 của Bộ Xây dựng hướng dẫn sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới ĐVSNC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp có nội dung:

“ 1. Nguyên tắc sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNC:..... Đối với dịch vụ sự nghiệp công có nguồn thu, có khả năng tự chủ về tài chính thì **có thể giao cấp tỉnh hoặc cấp xã tổ chức quản lý** và cung ứng các dịch vụ này để phục vụ người dân, doanh nghiệp.”

* Công văn 5983/BXD-TCCB nhắc lại nguyên tắc chung: dịch vụ SNCL có nguồn thu có thể giao cấp tỉnh hoặc cấp xã tổ chức quản lý và cung ứng. Nhưng với BQLDA (ĐVSN trong lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng), văn bản dẫn chiếu trực tiếp Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, theo đó:

(1) Sáp nhập 03 Ban khu vực: Lào Cai - Cốc San, Cam Đường - Hợp Thành, Bảo Thắng thành 01 Ban khu vực;

(2) Sáp nhập 02 Ban khu vực: Sa Pa và Bát Xát thành 01 Ban khu vực;

(3) Sáp nhập 02 Ban khu vực: Văn Bàn và Bảo Yên thành 01 Ban khu vực;

(4) Sáp nhập 03 Ban khu vực: Mường Khương, Si Ma Cai và Bắc Hà thành 01 Ban khu vực.

2.5. Đối với ĐVSNCN ngành Nông nghiệp và Môi trường:

2.5.1. Về các Ban Quản lý rừng phòng hộ khu vực:

a) *Hiện trạng*: Hiện nay, mô hình hoạt động của các BQL rừng phòng hộ khu vực trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất 2 tỉnh) chưa được đồng bộ, thống nhất, theo đó:

- 09 BQL rừng phòng hộ khu vực Lào Cai cũ đang trực thuộc các Hạt Kiểm lâm khu vực, tuy nhiên do Hạt Kiểm lâm tương đương với cấp phòng thuộc Chi cục Kiểm lâm nên các BQL phòng hộ khu vực trực thuộc các Hạt Kiểm lâm là chưa phù hợp và cần tiếp tục sắp xếp²; 09 BQL được giao tổng số 84 biên chế, hiện có mặt 79.

- 02 BQL rừng phòng hộ khu vực Yên Bái cũ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường³; 02 BQL được giao tổng số 60 biên chế, hiện có mặt 53.

b) *Phương án sắp xếp*: Để mô hình hoạt động của các BQL rừng phòng hộ có sự đồng bộ, thống nhất và giảm đầu mối, tỉnh xây dựng phương án: Chuyển 09 BQL rừng phòng hộ khu vực trực thuộc các Hạt Kiểm lâm khu vực (của tỉnh Lào Cai trước hợp nhất) và tổ chức lại **thành 03 BQL rừng phòng hộ khu vực trực thuộc Sở** Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

(1) BQL rừng phòng hộ khu vực Bát Xát: Trên cơ sở sáp nhập 03 BQL rừng phòng hộ (*BQL rừng phòng hộ khu vực Lào Cai - Cam Đường trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Lào Cai - Cam Đường; BQL rừng phòng hộ khu vực Sa Pa trực thuộc*

UBND cấp tỉnh căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP để thành lập/tổ chức lại/giải thể các BQLDA hiện có cho phù hợp (Ban khu vực là ĐVSNCN thuộc cấp tỉnh, có thể đặt cơ sở liên xã nhưng không phải “trực thuộc xã”).

² (1) BQL rừng phòng hộ khu vực Lào Cai: Diện tích rừng quản lý: **7.562,71** ha, gồm Rừng tự nhiên 1.107,04 ha; Rừng trồng 6.455,67 ha; (2) BQL rừng phòng hộ khu vực Bảo Thắng: Diện tích rừng quản lý: **15.319,19** ha, gồm Rừng tự nhiên 4.951,28 ha; Rừng trồng 10.367,91 ha; (3) BQL rừng phòng hộ khu vực Bảo Yên: Diện tích rừng quản lý: **10.339,37** ha, gồm Rừng tự nhiên 2.300,32 ha; Rừng trồng 8.039,05 ha; (4) BQL rừng phòng hộ khu vực Văn Bàn: Diện tích rừng quản lý: **21.696,15** ha, gồm Rừng tự nhiên 1.281,37 ha; Rừng trồng 20.414,78 ha; (5) BQL rừng phòng hộ khu vực Sa Pa: Diện tích rừng quản lý: **15.581,73** ha, gồm Rừng tự nhiên 1.456 ha; Rừng trồng 14.125,73 ha; (6) BQL rừng phòng hộ khu vực Bát Xát: Diện tích rừng quản lý: **15.537,17** ha, gồm Rừng tự nhiên 1.014,72 ha; Rừng trồng 14.522,45 ha; (7) BQL rừng phòng hộ khu vực Mường Khương: Diện tích rừng quản lý: **10.637,71** ha, gồm Rừng tự nhiên 1.774,58 ha; Rừng trồng 8.863,13 ha; (8) BQL rừng phòng hộ khu vực Bắc Hà: Diện tích rừng quản lý: **11.499,85** ha, gồm Rừng tự nhiên 5.288,15 ha; Rừng trồng 6.211,7 ha; (9) BQL rừng phòng hộ khu vực Si Ma Cai: Diện tích rừng quản lý: **1.845,03** ha, gồm Rừng tự nhiên 561,23 ha; Rừng trồng 1.283,8 ha;

³ (1) Ban quản lý rừng phòng hộ khu vực Mù Cang Chải: Diện tích rừng quản lý: **54.084,43** ha. (2) Ban quản lý rừng phòng hộ khu vực Trạm Tấu: Diện tích rừng quản lý: **37.903,92** ha.

Hạt Kiểm lâm khu vực Sa Pa và BQL rừng phòng hộ khu vực Bát Xát trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Bát Xát) thành BQL rừng phòng hộ khu vực Bát Xát trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(2) BQL rừng phòng hộ khu vực Bắc Hà: Trên cơ sở sáp nhập 03 BQL rừng phòng hộ (*BQL rừng phòng hộ khu vực Bắc Hà trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà; BQL rừng phòng hộ khu vực Si Ma Cai trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Si Ma Cai và BQL rừng phòng hộ Khu vực Mường Khương trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Mường Khương*) thành BQL rừng phòng hộ khu vực Bắc Hà trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(3) BQL rừng phòng hộ khu vực Văn Bàn: Trên cơ sở sáp nhập 03 BQL rừng phòng hộ (*BQL rừng phòng hộ Khu vực Văn Bàn trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Bàn; BQL rừng phòng hộ Khu vực Bảo Yên trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Yên và BQL rừng phòng hộ Khu vực Bảo Thắng trực thuộc Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Thắng*) thành BQL rừng phòng hộ khu vực Văn Bàn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.5.2. Về các Hạt Kiểm lâm:

a) *Hiện trạng*: Sau hợp nhất 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái trên địa bàn tỉnh hiện có 15 Hạt Kiểm lâm⁴. Tổng số biên chế giao là 350, hiện có mặt 346 biên chế.

2.2. *Phương án sắp xếp*: Trên cơ sở vị trí địa lý, địa hình và diện tích rừng đang quản lý, tỉnh Lào Cai xây dựng phương án sắp xếp lại từ 15 Hạt kiểm lâm thành 11 Hạt kiểm lâm (*giảm 04 Hạt*), gồm:

⁴ (1) Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Chấn - Trạm Tấu - Nghĩa Lộ: Diện tích rừng quản lý: **125.459,91** ha, gồm Rừng tự nhiên 77.807,67; Rừng trồng 40.597,31 ha; Diện tích đã trồng cây rừng 7.054,93 ha; (2) Hạt Kiểm lâm khu vực Yên Bình - Lục Yên: Diện tích rừng quản lý: **106.069,71** ha, trong đó Rừng tự nhiên 28.533,49 ha; Rừng trồng 68.556,16; Diện tích đã trồng cây rừng 8.980,06 ha; (3) Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Yên - Trấn Yên - Yên Bái: Diện tích rừng quản lý: **152.586,38** ha, trong đó Rừng tự nhiên 48.100,49 ha; Rừng trồng 86.991,3ha; Diện tích đã trồng cây rừng 17.494,59 ha; (4) Hạt Kiểm lâm khu vực Mù Cang Chải: Diện tích rừng quản lý: **85.433,42** ha, trong đó Rừng tự nhiên 61.893,67; Rừng trồng 21.787,84; Diện tích đã trồng cây rừng 1.751,9 ha; (5) Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Thắng: Diện tích rừng quản lý: **41.537** ha, gồm Rừng tự nhiên 11.800 ha; Rừng trồng 29.733 ha; (6) Hạt Kiểm lâm khu vực Lào Cai: Diện tích rừng quản lý: **15.681** ha, gồm Rừng tự nhiên 9.611 ha; Rừng trồng 6.073 ha; (7) Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Yên: Diện tích rừng quản lý: **60.817** ha, gồm Rừng tự nhiên 16.423 ha; Rừng trồng 44.394 ha; (8) Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Bàn: Diện tích rừng quản lý: **70.443** ha, gồm Rừng tự nhiên 56.103 ha; Rừng trồng 14.340 ha; (9) Hạt Kiểm lâm khu vực Sa Pa: Diện tích rừng quản lý: **22.180** ha, gồm Rừng tự nhiên 21.388 ha; Rừng trồng 6.972 ha; (10) Hạt Kiểm lâm khu vực Bát Xát: Diện tích rừng quản lý: **28.358** ha, gồm Rừng tự nhiên 19.658 ha; Rừng trồng 2.452 ha; (11) Hạt Kiểm lâm khu vực Mường Khương: Diện tích rừng quản lý: **26.290** ha, gồm Rừng tự nhiên 18.463 ha; Rừng trồng 7.827 ha; (12) Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà: Diện tích rừng quản lý: **35.211** ha, gồm Rừng tự nhiên 15.121 ha; Rừng trồng 20.090 ha; (13) Hạt Kiểm lâm khu vực Si Ma Cai: Diện tích rừng quản lý: **9.330** ha, gồm Rừng tự nhiên 5.202 ha; Rừng trồng 4.128 ha; (14) Hạt Kiểm lâm Khu BTTN Bát Xát: Diện tích rừng quản lý: **33.375** ha, gồm Rừng tự nhiên 32.242 ha; Rừng trồng 1.133 ha; (15) Hạt Kiểm lâm Khu BTTN Hoàng Liên - Văn Bàn: Diện tích rừng quản lý: **28.517** ha, gồm Rừng tự nhiên 27.768 ha; Rừng trồng 749 ha;

(1) Hạt Kiểm lâm khu vực Bát Xát: Trên cơ sở sáp nhập Hạt Kiểm lâm khu vực Lào Cai - Cam Đường; Hạt Kiểm lâm khu vực Bát Xát và tiếp nhận một phần diện tích của Hạt Kiểm lâm khu vực Sa Pa.

(2) Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà: Trên cơ sở hợp nhất Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà; Hạt Kiểm lâm khu vực Mường Khương và Hạt Kiểm lâm khu vực Si Ma Cai. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **53.246** ha, gồm Rừng tự nhiên 34.473 ha; Rừng trồng 18.773 ha;

(3) Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Bàn: Trên cơ sở giữ nguyên Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Bàn và tiếp nhận một phần diện tích của Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Yên - Trấn Yên - Yên Bái. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **70.443** ha, gồm Rừng tự nhiên 56.103 ha; Rừng trồng 14.340 ha;

(4) Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Yên: Trên cơ sở giữ nguyên Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Yên và tiếp nhận một phần diện tích của Hạt Kiểm lâm khu vực Yên Bình - Lục Yên. Diện tích rừng quản lý (dự kiến):

(5) Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Thắng: Trên cơ sở giữ nguyên Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Thắng và tiếp nhận một phần diện tích của Hạt Kiểm lâm khu vực Sa Pa. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **93.415** ha, gồm Rừng tự nhiên 26.560 ha; Rừng trồng 66.855 ha;

(6) Hạt Kiểm lâm khu vực Nghĩa Lộ: Trên cơ sở đổi tên Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Chấn - Trạm Tấu - Nghĩa Lộ. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **125.459,91** ha, gồm Rừng tự nhiên 77.807,67; Rừng trồng 40.597,31 ha; Diện tích đã trồng cây rừng 7.054,93 ha.

(7) Hạt Kiểm lâm khu vực Lục Yên: Trên cơ sở Hạt Kiểm lâm khu vực Yên Bình - Lục Yên (*sau khi đã chuyển một phần diện tích về Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Yên*) và đổi tên Hạt Kiểm lâm khu vực Lục Yên. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **106.069,71** ha, trong đó Rừng tự nhiên 28.533,49 ha; Rừng trồng 68.556,16; Diện tích đã trồng cây rừng 8.980,06 ha.

(8) Hạt Kiểm lâm khu vực Trấn Yên: Trên cơ sở Hạt Kiểm lâm khu vực Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Yên - Trấn Yên - Yên Bái (*sau khi đã chuyển một phần diện tích về Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Bàn*) và đổi tên thành Hạt Kiểm lâm khu vực Trấn Yên. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **152.586,38** ha, trong đó Rừng tự nhiên 48.100,49 ha; Rừng trồng 86.991,3ha; Diện tích đã trồng cây rừng 17.494,59 ha.

(9) Hạt Kiểm lâm khu vực Mù Cang Chải: Giữ nguyên. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **85.433,42** ha, trong đó Rừng tự nhiên 61.893,67; Rừng trồng 21.787,84; Diện tích đã trồng cây rừng 1.751,9 ha.

(10) Hạt Kiểm lâm Khu Bảo tồn thiên nhiên Bát Xát: Giữ nguyên. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **33.375** ha rừng gồm 32,242 ha rừng tự nhiên và 1,133 ha rừng trồng.

(11) Hạt Kiểm lâm Khu Bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn: Giữ nguyên. Diện tích rừng quản lý (dự kiến): **28.517** ha rừng gồm 27.768 ha rừng tự nhiên và 749 ha rừng trồng.

2.6. Giữ nguyên mô hình các lâm trường như hiện nay.

2.7. Rà soát, tổ chức lại (kiện toàn theo hướng thu gọn đầu mối bên trong) hoặc thành lập mới (nếu có) các Quỹ tài chính; Quỹ xã hội; Quỹ từ thiện theo quy định của pháp luật.

2.8. Trước mắt giữ nguyên mô hình hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh chờ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và các bộ, ngành Trung ương.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ

Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế hoặc sửa đổi bổ sung Nghị định số 120/2022/NĐ-CP của Chính phủ để kịp thời áp dụng việc thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với các Bộ ngành Trung ương

Đề nghị các bộ, ban, ngành ban hành thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm các ngành chủ quản để áp dụng chính quyền địa phương 02 cấp.

Đề nghị Bộ Nội vụ giao chỉ tiêu biên chế cấp tỉnh, cấp xã cho các địa phương để thực hiện sắp xếp bộ máy, giao chỉ tiêu biên chế cho cấp tỉnh, cấp xã thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp.

Đề nghị Bộ Nội vụ trình Chính phủ xem xét sửa đổi bổ sung nghị định 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ việc tách phòng Kinh tế/Phòng kinh tế hạ tầng cấp xã thành 02 phòng để thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai và xây dựng phương án tổng thể sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn các tổ chức bên trong các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT. UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VP, NC (Ng, Tùng).

CHỦ TỊCH

Trần Huy Tuấn

